

**Cash Flow Statement - Interims**

for given period ended

Actg Item -Eng	All Figures are in Millions of VND			Actg Item - Local
	Mar-08	Dec-07	Dec-06	
Profit before tax	159975.00	347665.08	381161.01	Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác
<b>Net cash flow from operating activities</b>	<b>-182628.00</b>	<b>95221.79</b>	<b>130102.16</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>
Cash received from investing in other units		-5000.00		Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác
Invested capital in other units		-294770.24	-7500.00	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác
Capital received from investing in other units		38561.25	1466.46	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác
Cash received from interest loan, dividend, distributed profit	6968.00	21468.09	2324.73	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia
<b>Net cash flow from investment activities</b>	<b>-64784.00</b>	<b>-239740.90</b>	<b>-25588.33</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>
Receipts from short-term and long-term borrowings	305600.00	198990.94	497988.86	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được
Paid payment for loan debts	-217174.00	-418747.66	381161.01	Tiền chi trả nợ gốc vay
Paid payment for dividends, profits for owners equities		-49782.94	-8845.40	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu
<b>Net cash flow from financing activities</b>	<b>88426.00</b>	<b>-269539.67</b>		<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>
<b>Net cash flow in the period</b>	<b>-158986.00</b>	<b>-414058.77</b>		<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>
<b>Cash and cash equivalents at the beginning of the period</b>	<b>315813.00</b>	<b>729872.15</b>	<b>30781.89</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>
<b>Cash and cash equivalents at the end of the period</b>	<b>156828.00</b>	<b>315813.39</b>	<b>1466.46</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>